

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-ST

Ngày: 12-6-2020

*“Tranh chấp về hợp đồng
mua bán tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Cường
2. Ông Nghiêm Thế Hùng

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N; địa chỉ: số 39 đường T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; do bà Lê Thị M làm đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 30-8-2019). Bà M có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Quang P và bà Trần Thị H; cùng địa chỉ: Số 236/13 đường P, tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông P và bà H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N (sau đây gọi tắt là Công ty N) chuyên buôn bán vật liệu xây dựng và trang trí nội thất. Ông Trần Quang P và bà Trần Thị H đã mua vật liệu để xây nhà và còn nợ Công ty N số tiền tính đến ngày 17-01-2019 là 160.17.0488 đồng. Tính đến ngày 28-6-2019, ông P, bà H đã trả được 80.000.000 đồng và còn nợ Công ty N số tiền là 80.170.000 đồng.

Ngày 30-8-2019, Công ty N nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Quang P và bà Trần Thị H phải trả cho Công ty N số tiền còn nợ là 80.170.000 đồng (sau này sửa lại là 80.168.000 đồng do nhầm lẫn số

liệu). Quá trình giải quyết, bên bị đơn đã trả thêm 50.000.000 đồng và còn nợ lại 30.168.000 đồng.

Do vậy, Công ty N rút một phần nội dung khởi kiện và chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Quang P và bà Trần Thị H phải trả cho Công ty N số tiền 30.168.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với ông Trần Quang P và bà Trần Thị H. Tuy nhiên, ông Huân và bà H không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy, bị đơn không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và các bên đương sự. Tòa án nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện Công ty N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quang P và bà Trần Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Trần Quang P và bà Trần Thị H có nơi cư trú tại số 236/13 đường Phạm Văn Đồng, tổ 4, phường Thông Nhất, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Căn cứ vào Bảng đối chiếu công nợ ngày 17-01-2019 giữa Công ty N với ông Trần Quang P và bà Trần Thị H thì đến thời điểm này ông P và bà H còn nợ Công ty N số tiền 160.17.0488 đồng. Theo phía nguyên đơn trình bày thì đến ngày 28-6-2019 bị đơn đã trả được 80.000.000 đồng và còn nợ 80.168.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Quang P và bà Trần Thị H phải trả 80.168.000 đồng. Quá trình giải quyết, bị đơn đã trả thêm 50.000.000 đồng và còn nợ lại 30.168.000 đồng.

Tại phiên tòa, Công ty N rút một phần nội dung khởi kiện và chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Quang P và bà Trần Thị H phải trả cho Công ty N số tiền 30.168.000 đồng.

Từ căn cứ trên thấy rằng, ông Trần Quang P và bà Trần Thị H đã xác lập, giao dịch hợp đồng mua bán tài sản với Công ty N và còn nợ Công ty N số tiền 30.168.000 đồng nên ông P và bà H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 30.168.000 đồng cho Công ty N.

Từ nhận định trên thấy rằng, Công ty N đòi ông Trần Quang P và bà Trần Thị H trả 30.168.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ông Trần Quang P và bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thực hiện là 30.168.000 đồng x 5% = 1.508.400đ (Một triệu, năm trăm lẻ tám nghìn, bốn trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 430; Điều 440 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty N đối với ông Trần Quang P và bà Trần Thị H.

1. Buộc ông Trần Quang P và bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho Công ty N số tiền 30.168.000 đồng (Ba mươi triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Buộc ông Trần Quang P và bà Trần Thị H phải nộp 1.508.400đ (Một triệu, năm trăm lẻ tám nghìn, bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty N 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0001896 ngày 06 tháng 9 năm 2019 của chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Rmah HThuyên